

Họ tên	Bộ phận	3	4	5	6	7	10	11	12	13	14	17	18	19	20	21	24	25	26	27	28	Tổng		
LÊ HỮU PHONG	TỔ KSNK	8.5	8.43	8.4	8.53		8.5	8.37	8.47	8.5	8.33	8.33	8.5	5.6	8.43	8.57	8.43	8.4					15.54	
TRẦN TUẤN ANH	TỔ KSNK	8.5	8.5	8.17	8.5	8.47	5.43	8.33	8.3	8.5	8.3	8.4	5.37	8.47	8.63	8.6	8.43	8.63			8.7		17.09	
VANG VĂN Ý	TỔ KSNK	8.13	8.33	7.97	8.23	5.33												8.3	8.37	8.63	8.3		8.37	
TỔ KSNK Count	3																							
LA THỊ OANH	Phòng TCKT	8.17	8.1	8	8.13	8.13	8.1	8	8.03	8	8.1	8.07	8.33	8.33	8.27	8.37	8.37	8.4	8.27	8.43	8.27			19.26
LA BÁ HÙNG	Phòng TCKT	8.2	8.37	7.8	8.2	8.2	8.13	2.4		7.87	8.2	8.47	8.37	8.03	8.33	8.6	8.5	8.5	8.6	8.47	8.53			17.82
NGUYỄN THỊ HỒNG SƠN	Phòng TCKT																							0
LƯƠNG QUÝ MẠNH	Phòng TCKT	8.17	8.37	8.3	8.17	8.03	8.13	7.83	8.33	8.07	8.1	8.4	8.13	8.27	8.4	8.43	8.57	8.5	8.47					17.45
Phòng TCKT Count	4																							
NGUYỄN HỒNG LÂM	Phòng KHTH	8.13	8.33	8.27	8.27	8.1	5.3	8.17	8.17	8.2	8.4	8.53	8.53	8.53	8.53	8.6	8.57	8.53	8.53	8.53	8.53	8.53		19.32
Phòng KHTH Count	1																							
LƯƠNG THỊ THƯƠNG	KKB																							0
LƯƠNG HUỲNH ĐỨC	KKB		8.23	8.1	8.23	8.1		8.5	8.77	8.77	7.47	9.03	8.43	5.6	3.93		8.57	8.43	8.5	8.93	8.4			15.43
HỒ Y CHÙA	KKB	7.93			5.83	8.47	8.33	2.3	6.77	8.2	8.17						7.1		7.6	7.7	7.63			10.04
CỬ BÁ GIỜ	KKB	8.37	8.23	7.63	8.33	7.93	8.47	4.43				8.33	5.33	8.43	8.3	8.6	8.43	8.43	7.97	8.4	8.73			15.73
MOONG THỊ NGỌC	KKB	4.67												8.43					7.93					2.47
KHA THỊ HẢI	KKB	7.57	6.8	7.43	7.47	8.07		7.67	7.67	7.67		7.5												7.97
LÊ THỊ THÚY	KKB																							0
LẦU BÁ LẦU	KKB	8.17	8.17	8.17	8.17	8.13	4.27	7.77	8.2	8.13	8.13	8.43	8.4	8.47	8.4	8.47	8.63	8.5	8.07	8.43	8.4			18.99
LÔ THỊ CÚC	KKB	7.7	7.87	7.53	0.6								0.97	8.77	7.8	8.33	8.6	7.73	7.73	8	8.4			10.38
MOONG VĂN SƠN	KKB	7.9	7.97	2.8	7.73	4.2	5.37	8.07	8.27	2.7	7.83	8.23												8.36
CẨM THỊ DẪN	KKB	8.67	7.87	8.47	8.37	8.17	7.53	8.2	8.2	7.83	8.8	8.5	8.5	8.03	8	8.47	8.57	8.4	9.23	4.17				17.95
Khoa Khám Bệnh Count	11																							
LẦU Y XÀI	Dược	7.93	7.2	7.73	7.67	7.53	8.17	7.6	7.93	7.8	8.17	8.33	8.13	8.13	8.4	8.3	8.57	8.07	7.77	7.57	4.4			18.26
LỘC THỊ HƯỜNG	Dược	8.4	8.33	8.27	8.33	8.5	8.27	7.33		3.03	8.47	8.57	8.47	8.5	8.27	8.53	8.53	8.67	8.67	8.57	8.47			18.08
ĐỖ NGỌC TÚ	Dược	8.03	7.63	7.7	8.17	8.07	8.57	7.37	8.27	7.93	8.47	7.73	8.67	2.7	8.43	8.37	8.43	8.07	8.17	8.67	7.37			18.32
NGUYỄN TIẾN HÙNG	Dược	8.2	8.4	8.43	7.03		8.47	7.53		7.7		8.53	8.63	8.73	8.1		8.57	8.47	8.23	3.77	8.17			14.84
KHA THỊ DUNG	Dược	7.6	8.03	7.9	7.63	8.23	8.1	8.03	7.97	8.07	7.8	8.2	8.27	8.4	8.33	8.17	8.47	8.07	8.37	7.9	8.17			18.97
NGUYỄN THỊ NGUYỄN	Dược	2.73	7.97	7.37	7.47	7.5	6.93	7.37	7.2	7.03	7.63	7.83	7.67	7.73	7.8	7.6	7.97	7.93	7.23	7.23	6.8			17.07
Khoa Dược Count	6																							
VI ĐẠI TIẾN	Ngoại	8.57	8.9	8.1	8.17	8	8.5	8.07	8.03	8.1	8.37	8.33	8.4	8.6	8.37	2.03	8.6	8.43	8.57	8.67	8.67			18.71
VI THỊ ĐÍ	Ngoại	7.93	8.07	7.9	7.87	7.67	7.93	7.7	3.6	7.93	8.07	8.37	4.17	8.53	8.13	8.4	7.97	8.13	8.57	7.93	8.6			18
VI THỊ VÂN	Ngoại	5.37	6.87		8.23	8.17	8.97	4		8.4	4.2	8.57	8.6	8.57	8.6	7.17	8.47	8.6	8.57					14.14

GIÀ Y TRÀ MY	Ngoại	8.23	8.23	8.07	8.17	8.07	4.97	8.17	8.1	8.2	8.13	8.3	8.43	8.4	8.1	8.4	8.6	8.5	8.37	8.47	8.2	19.05
GIÀ Y LỖ	Ngoại	8.3	8.2	7.67	4.63	8.13	8.3	8.33	8.23	7.5	8.37	8.43	9.07	8.37	8.4	8.5	8.5	8.37	8.83	2.7	8.57	18.37
LƯƠNG THỊ HUYỀN THẢO	Ngoại																					0
VI THÁI BÌNH	Ngoại	8.63	8.33		8.2	8.37	5.17	8.4	8	8.13	8.57	8.2	8.4	8.7	8.5	5.7	6.63	8.37	8.2	8.57	8.73	17.5
VI VĂN HÙNG	Ngoại	8.3	8.8	8.67	8.5	8.8	8.8	8.87	8.43	8.57	8.87	9.03	8.9	8.83	8.73	8.87	8.83	4.33	5.8	8.8	4.67	18.55
LƯƠNG ĐÌNH ĐẠT	Ngoại	8.83	8.93	8.6	8.43	8.77	8.9	8.73	8.33	8.87	9.17	9.1	8.77		9	9.27	9.17	8.7	8.83	4.27	8.9	18.1
HỒ THỊ HÒE	Ngoại	8.43	8	8.47	8.3	6.37		8.47	8.03	8.37	7.87	8.5	8.5	8.43	7.47	7.83			8.13	8.6	8.97	16.21
NGUYỄN PHÙNG TOM	Ngoại	8.23	8.63	9.1	8.27	3.47	5.57	3.07	8.23	8.83	5.3	9.03	9	8.93	8.73	8.93	8.97	4.77		2.1	6.67	15.03
NGUYỄN THIÊN HOÀNG	Ngoại	8.27	8.27	8.33	8.2	7.7	8.13	8	7.87	8	6.47	8.23	8.33	5.63	8.33	7.67	8		8.4	8.37	8.03	17.64
KHA THỊ TÂM	Ngoại	4.63		8.6										7.27		8.6	8.27	7.97	8.53		8.63	7.21
KHA VĂN KHÁNH	Ngoại	8.27	8.2	8.13	8.17	8.03	8.57	1.37	8.3	6.03	8.17	8.4	8.57	8.7	8.43	8	5.83	8.3	8.57	8.27	8.47	18.07
MÙA Y DÌA	Ngoại	8.5	8.4	5.33	8.23	8.43	8.3	5.73	8.2	4.47		9	8.1	8.6	4.93	7.43	8.57	8.97	8.53	8.57	8.57	17.04
NGUYỄN TIẾN DŨNG	Ngoại	4.4									8.4	8.63	8.53	5.53	8.33	8.67	8.73	8.47	8.4	8.7	9.3	11
VI KHẮC TIỆP	Ngoại	8.57	9.07	8.57		5.73	8.7	8.23	7.73	5.4	8.53	8.8	4.17	9.27	5.93		8.8	5.83	8.6	5.7	5.47	15.24
LÔ THỊ HẠNH	Ngoại	8.5	8.5	8.57		8.23	5.43	4.83	4.83	8.4		8.5	8.5	8.67	8.53	8.63	8.57	8.53	8.57	8.6	8.6	16.64
Khoa Ngoại 3CK Count		18																				
NGUYỄN ĐÌNH DŨNG	Nội Nhi	8.37	8.33	8.33	4.33	8	8.07	3.9	8.33	8.33	7.97	8.43	8.6	8.47	8.43	8.33	8.5	8.37	8.53	7.27	4.67	18.01
VI THỊ KIM	Nội Nhi																					0
VŨ BÁ CỎ	Nội Nhi	4.43	8.27	6.27	8.17	8.07	8.23	8.2	8.53	8.17	4.83	8.2	8.5	8.33	8.53	7.37		8.6	8.17	8.53	8.2	17.19
VI THỊ HẢI	Nội Nhi	7.97	7.5	7.53	7.5	8.13	7.57	7.67	7.3	7.67	7.77	4.43	1.3	7.9	7.47	7.8	8.13	7.73	7.87	7.73	8.37	17.08
LÔ THỊ TIẾN	Nội Nhi		8.27	7.53	8.07																	2.81
MOONG BÁ HỢI	Nội Nhi	8.73	8.5	8.37	8.4	4.7	8.4	8.33	8.1	8.27	2.57	8.63	8.5	8.5	8.57	8.67	8.67	8.53		8.63	7.8	17.57
VÀ Y LỆ	Nội Nhi	8.5	8.5	8.4	8.53	8.4	8.4	8.4	8.47	8.27		8.77	5.63	8.57	8.67	8.63	8.67	8.53	8.57	8.63	8.57	18.57
VŨ BÁ TU	Nội Nhi	8.47		4.4		8.43	5.93	8.47		8.3	8.43	9.4	7.8	8.77	8.1	7.3	3.03	4.93	9.5	8.53	8.63	14.8
KHA BÚN MY	Nội Nhi	5.53	8.03	8.53	8.57	4.2	8.7	8.7	7.9	3.87	8.5	7.7	8.2	8.63	8.43	3.1	8.43	8.63	8.73	2.37	8.37	16.7
LƯƠNG VĂN HOÀNG	Nội Nhi																					0
LƯƠNG THỊ HẰNG	Nội Nhi																					0
LẦU Y GIỎ	Nội Nhi	4.2	8.3	8.17	8.17	8.23	8.43	7.73	8.33	7.77	8.27	8.57	8.63	1.23	8.5	7.83	8.47	8.57	8.5	5.57	8.93	17.83
HỒ Y SÙA	Nội Nhi	8.03	7.83	7.9	7.9	8.3	6.03	7.6	4.17				8.1	8.83	8.23	8.07	8.03	8.37	7.97	8.63	8.57	15.46
ĐẶNG THỊ LƯƠNG	Nội Nhi	8.3	8.37	8.37	8.3	8.37	5.43	8.43	8.5	8.37	8.53	8.47	8.53	8.53	8.3	8.8	8.67	8.3	8.6	8.93	8.7	19.39
VŨ BÁ PHIA	Nội Nhi																					0
VŨ THỊ ÁNH	Nội Nhi	8.27	8.07	8.1	8.4	5.37	5.53	8.3	8.33	8.17	8.3	8.63	8.6	8.6	3.93	8.57	8.53	8.57	8.53	8.6	8.63	18.49
LƯƠNG XUÂN QUY	Nội Nhi																					0
NGUYỄN THỊ HẠNH	Nội Nhi	8.63	8.63	8.4	6.97		5.63	8.27	7.23								8.73	8.67	8.57	8.53	4.83	10.84

NGUYỄN KHẮC LÂM GIANG	Nội Nhi	2.83	8.23	7.9	8.13	8.23	8.1	8.33	7.77			8.37	8.77	8.37	8.4	8.47	3.97	8.47	8.73	8.57	6.3	16.14
LÊ THỊ HIỀN	Nội Nhi																					0
LẦU BÁ CHỒ	Nội Nhi	7.77	4.5	7.9	8.3	8.27	8.43	8.43	7.8	8.3	8.17	4.77	8.7	6.2	8.73	8	8.23	8.63	8.13	8.03	8.9	18.06
NGUYỄN VĂN NGA	Nội Nhi	8.1	8.33	8.07	8.17	8.03	8.03	8.17	8.03	8.23	8.2	8.3	8.37	8.4	8.47	8.57	8.5	8.5	8.33	8.43	8.17	19.39
VÕ THỊ THẨM	Nội Nhi	8.3	3.8	9.47	8.43	4.53	8.2	8.4	8.1	8.3	8.13		8.2	8.43	8.2	8.1	7.4	7.67	8.53	3.07	4.73	16.28
LÔ THỊ HẰNG B	Nội Nhi	8.9	4.83	5.47	4.83	8.43	8.37	7.8	8.3	8.17		8.5	8.7	8.53	8.8	8.53	8.6	9.07	8.57	8.8		16.59
ĐOÀN ĐẠI PHÚC	Nội Nhi																					0
KHA THỊ HÀ	Nội Nhi	8.3	5.87	8.47	8.3	8.17	8.27	6.93	7.63	8.33			4.57	8.7	8.53	9	8.57					12.8
KHA THỊ THÚY	Nội Nhi	8.27	8.23	8.37	8.17	7.57	7.33	4.13	7.23	8.17	8.2	8.1	8.27	3.87	7.87	8.5	8.27	8.5		8.57	8	17.1
Khoa Nội Nhi Count		27																				
Vì Thị Hồng	CSSKSS	8.33	4.57	8.27	4.73	6.73	5.5	7.8	8.17	7.13		7.93	8.1		8.4	7.8	8.57	8	4.37	8.57	8.43	15.36
MOONG THỊ THÚY TIÊN	CSSKSS	8.47	8.8	8.3	8.43	8.2	4.6	8.27	8.23	8.27	4.57	8.77	4.5	8.73	8.57	8.5	8.13	8.4	4.73	6.03	4.53	17.05
LỮ THỊ HƯƠNG	CSSKSS	8.33	5.93	8.07	7.93														2.83			3.85
LƯƠNG THỊ THẨM	CSSKSS	8.37	6.93	8.27	8.3	4.1	5.57	8.6	7.77			8.57	4.63	5.6	8.7	7.73	7.97	8.7	8.7	8.63	4.63	15.25
LẦU Y CHIA	CSSKSS	2.87	8.93	8.23	7.67	8.17	8	7.93	7.9	8	8.33											8.88
VỪ BÁ CA	CSSKSS	8.13	5.47	8.17		7.93	8.03	8.07	7.63	4.87	7.57	8.33	7.9	4.33	8.27	7.07	8.23	8.4	8.3	4.77	8.47	16.15
VI THỊ LÊ	CSSKSS	8.4			7.73	8.2	7.73	7.97	7.87	7.83	8.73	8.07	7.93	8.1	4.3	8.8	7.97	8.17	8	8.73	8.6	16.59
LÔ THỊ HOA	CSSKSS	8.27		8.33	8.23	8.17	3.87	8.43	8.3	8.47	8.33	8.73	8.53	5.53	8.3	8.6		8.17	7.93	8.57	8.6	16.74
VỪ Y XỬ	CSSKSS	4.93	5.63	8.27	4.73	8.67	8.5	8.33	8.33		8.27	4.6	5.93	5.03	8.77	5.1	4.43	8.6	8.1	7.43	8.77	15.1
CAO THỊ MINH HIỂN	CSSKSS	5.27	8.1	8									2.4	8.47	8.07	7.8	8.4	8.37	8.17	8.8	8.33	10.55
LÔ VĂN HẢI	CSSKSS	8.73	5.73	4.33			5.53		8.43	8.3	8.07	8.53	8.37	8.5	8.37	8.5	8.57	5.87	8.43	8.57	8.53	15.32
VI THỊ CHUYÊN	CSSKSS			8.4	8.33	4.2		8.23	3.9	8.4	8.27	8.37	8.43	8.4	4.73	8.37	4.4	8.3	8.4	5.1	8.5	14.22
VI THỊ UYÊN	CSSKSS		5.67	7.97	8.43	8.53	7.97	8.5		7.87	7.83		7.77	8.03	8.5	8.43	4.53	8.17	7.87	7.9	5.63	15.01
NGÔ THỊ DUYỄN	CSSKSS		8.37	8.37	7.77	8.27	4.13	7.8	7.83	8.47		8.63	3.77	8.87	8.63	8.77	5.83	8.6	8.77	8.6		15.19
VY THỊ COÓNG	CSSKSS	8.57	8.5	8.27	7.63	8.57	8.37	4.27	7.8	7.6	8.47	8.17	7.97	8.53	4.7	8.6	8	7.97	8.4	8.43	3.7	17.75
Khoa CSSKSS Count		15																				
VỪ Y ĐÍA	Lây	8.8	5.3	5.5		8.4	8.2		8.37	9.03	8.63	5.93	6.87	8.07	5.73	9.3	8.57	8.17	5.43	8.4	8.67	15.51
NỘC VĂN HẰNG	Lây	8.43	8.4	8.2			8.33	8.17	8.83	8.43	8.3				8.7	8.67	8.63	8.97	8.67	8.67	8.7	14.83
NGUYỄN BẢO TRUNG	Lây	8.37	8.4	4.47	8.43	8.43	8.3	8.53	4.33	8.4	8.47	8.53	8.63	8.6	8.63	8.67	8.77	8.63	8.67	8.63	8.77	18.89
NGUYỄN THỊ KIM LÂM	Lây	8.53	8.1	8.1	5.37	8.47	5.63	8.13	8.27	8.4	8.4	5.87	3	8.6	8.6	5.77	8.83	8.37	8.63	8.93	8.63	17.69
LÊ THỊ THU PHƯƠNG	Lây		8.4	8.4	8.4	8.13	8.37	8.3	8.3	8.33	8.4	8.6	8.67	8.67	8.67	8.7	8.6	8.67	8.67	8.67	8.53	18.82
LA THỊ LƯƠNG	Lây	8.33	8.33	8.2	8.47	8.43	5.43	8.23	5.4	8.13	8.17	8.5	8.53	8.63	8.5		8.53	5.87	8.27	8.23	8.57	17.5
LÔ THỊ KIM CHI	Lây												8.6	8.27	4.93							2.55
ỐC THỊ CHIẾN	Lây	8.27		2.73	8.4	8.43	7.8	8.4	8	8.4		8.6	5.67	4.67	8.63	8.67	8.53	8.17	5.73	7.9	8.73	15.6

